

ĐỊNH NGHĨA VỀ THƯ VIỆN, TÀI LIỆU VÀ VIỆC PHÂN ĐỊNH CÁC LOẠI HÌNH THƯ VIỆN TRONG MỘT SỐ LUẬT THƯ VIỆN NƯỚC NGOÀI

TS Vũ Dương Thúy Nga

Vụ Thư viện - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Tóm tắt: Giới thiệu và phân tích một số định nghĩa về thư viện, tài liệu và việc phân định các loại hình thư viện trong các luật thư viện của Nga, Hàn Quốc, New Zealand, Úc, Trung Quốc và Nhật Bản.

Từ khóa: Định nghĩa; thư viện; tài liệu; phân định loại hình thư viện; luật thư viện; nước ngoài.

Definition of library, documents and the categorization of library types in Laws on Library worldwide

Abstract: The article introduces and analyses definitions of library, documents and the categorization of the types of library in the Law on Library in Russia, Korea, New Zealand, Australia, China and Japan.

Keywords: Definitions; library; document; categorization of the type of library; Law on Library; worldwide.

Mở đầu

Thực hiện Nghị quyết số 57/2018/QH14 ngày 08 tháng 6 năm 2018 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2018 và Quyết định số 792/QĐ-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật được điều chỉnh trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2018, các dự án luật thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (VHTTDL) đã triển khai xây dựng dự án Luật Thư viện. Dự thảo Luật Thư viện đã được đăng tải trên Cổng Thông tin của Chính phủ và Cổng Thông tin của Bộ VHTTDL để xin ý kiến. Trong quá trình xây dựng dự thảo Luật Thư viện, Ban soạn thảo và tổ biên tập đã tham khảo một số Luật Thư viện của nước ngoài. Một số vấn đề được đưa ra thảo luận trong các tọa đàm, hội thảo gần đây. Với bài viết này, tác giả muốn giới thiệu một số cách giải thích thuật ngữ thư viện, tài liệu và

phân định loại hình thư viện trong một số luật thư viện của nước ngoài. Đây là một trong số các vấn đề được quan tâm, thảo luận trong thời gian gần đây.

1 Định nghĩa và giải thích thuật ngữ thư viện

Trong các Luật Thư viện của nước ngoài, thuật ngữ “Thư viện” và “Tài liệu” đã được coi là thuật ngữ cơ bản và được giải thích với nhiều cách diễn đạt khác nhau, cụ thể như sau:

Điều 2, Khoản 1, Luật Thư viện của Nhật Bản đã xác định: “Thư viện” là các cơ sở thu thập, chỉnh lý, bảo quản, cung cấp cho công chúng nói chung sách, hồ sơ và các tài liệu cần thiết khác nhằm phục vụ mục đích giáo dục, điều tra, nghiên cứu, giải trí [4].

Đối với Luật Thư viện của Hàn Quốc, tại Điều 2, Khoản 1 đã nêu: “thư viện” đề cập đến một thiết chế góp phần sử dụng thông tin, khảo sát, nghiên cứu, học tập, văn hóa, giáo dục suốt đời, ... bằng cách cung cấp tài liệu thư viện cho công chúng sau khi thu

thập, tổ chức, xử lý và bảo quản [2].

Tiếp cận từ giải nghĩa của tiêu chuẩn quốc tế, Luật Liên bang Nga về Sự nghiệp Thư viện cũng định nghĩa thư viện tại Điều 1 như sau: Thư viện là cơ quan thông tin, văn hoá, giáo dục có vốn tài liệu nhân bản được tổ chức và được đưa ra cho các pháp nhân, cá nhân sử dụng có thời hạn; thư viện có thể là cơ quan độc lập hoặc là bộ phận cấu thành của xí nghiệp, cơ quan, tổ chức [1].

Như vậy, dù các cách giải thích thuật ngữ “thư viện” không hoàn toàn giống nhau, nhưng có một điểm chung là đều quan niệm thư viện là cơ quan thu thập, bảo quản, cung cấp tài liệu phục vụ cho người sử dụng.

2. Định nghĩa và giải thích về tài liệu

Cùng với thuật ngữ “Thư viện”, “Tài liệu” cũng là một thuật ngữ được nhiều Luật Thư viện đề cập đến.

Theo Luật Thư viện Quốc gia New Zealand: Tài liệu tồn tại dưới nhiều hình thức và bao gồm:

(a) bất kỳ văn bản được lưu trữ trên bất kỳ vật liệu nào; và

(b) thông tin được ghi hoặc được lưu trữ bằng bất kỳ phương tiện, thiết bị ghi âm, máy tính, thiết bị điện tử hoặc thiết bị nào khác và các vật liệu đó được bắt nguồn từ thông tin để ghi nhận hoặc được lưu trữ; và

(c) một cuốn sách, bản thảo, báo chí, ấn phẩm định kỳ, cuốn sách, tạp chí, thư từ, bản nhạc, bản đồ, kế hoạch, biểu đồ, tranh ảnh, hình ảnh, khắc, in ấn, bảng, biểu đồ, hoặc bản vẽ; và

(d) một bức ảnh, phim ảnh, âm bản, băng, hoặc thiết bị khác trong đó có 1 hoặc nhiều hình ảnh trực quan được thể hiện để có khả năng (có hoặc không có sự trợ giúp của thiết bị) được sao chép lại; và

(e) một ấn bản lần thứ hai trở lên của bất kỳ các dạng lưu trữ bên trên [3].

Với cách định nghĩa này, Luật Thư viện Quốc gia New Zealand đã liệt kê các loại hình tài liệu khác nhau. Cách định nghĩa này cho thấy sự phong phú, đa dạng về các loại hình tài liệu trong thư viện.

Cùng hướng tiếp cận, Điều 2, Khoản 2, Luật Thư viện của Hàn Quốc đã xác định: “Tài liệu thư viện” dùng để chỉ tất cả tài liệu (bao gồm cả tài liệu trực tuyến), trong đó thông tin được tích lũy nhằm mục đích truyền tải kiến thức và tài nguyên thông tin, chẳng hạn như tài liệu in, bản thảo, tài liệu nghe nhìn, tài liệu microfiche, tài liệu điện tử, tài liệu đặc biệt cho người khuyết tật, ... do thư viện thu thập, tổ chức và bảo quản [2].

Luật Thư viện Quốc gia Úc đã định nghĩa: “Tài liệu thư viện bao gồm sách, tạp chí, báo, bản thảo, phim ảnh, bản ghi âm, bản nhạc, bản đồ, các kế hoạch, hình ảnh, hình chụp, bản in và tài liệu ghi lại khác, dù bằng văn bản hoặc trong một số hình thức khác” [5].

Gần đây nhất, Luật Thư viện Trung Quốc được ban hành ngày 04 tháng 11 năm 2017, có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2018, quy định tài liệu bao gồm: sách, tạp chí, các sản phẩm nghe nhìn, vi phim và các tài nguyên kỹ thuật số [6].

Từ những định nghĩa trên, có thể nhận thấy điểm chung trong cách giải thích thuật ngữ “tài liệu” của các Luật Thư viện nước ngoài là tính đa dạng trong loại hình vật mang tin, bao gồm: tài liệu truyền thống, tài liệu đa phương tiện, tài liệu điện tử, tài liệu số.

3. Việc phân chia loại hình thư viện

Phân chia loại hình thư viện cũng là một trong các vấn đề được quan tâm của những người làm công tác thư viện. Muốn thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về thư viện thì việc phân định loại hình thư viện đóng vai trò hết sức quan trọng. Cách phân chia loại hình thư viện giữa các nước là khác nhau. Luật Thư viện của Nhật Bản và Luật Thư viện của Liên bang Nga đã phân định theo dấu hiệu hình thức sở hữu.

Luật Thư viện của Nhật Bản tại Điều 2, Khoản 2 đã phân định: những thư viện được các chính quyền địa phương thiết lập được gọi là thư viện công, các thư viện được Hội chữ thập đỏ Nhật Bản hay được thiết lập theo quy định pháp nhân tại điều 34 Luật dân sự gọi là thư viện tư [4].

Tại Điều 4, Luật Liên bang về sự nghiệp thư viện Nga [1], các loại hình thư viện chủ yếu là:

1. Thư viện có thể được thiết lập bởi cơ quan chính quyền nhà nước các cấp, cơ quan tự quản địa phương, pháp nhân và cá nhân.

2. Theo trật tự thành lập và theo hình thức sở hữu, thư viện được chia ra các loại hình chủ yếu sau:

(1) Thư viện nhà nước do cơ quan chính quyền nhà nước thiết lập, trong đó gồm:

- Thư viện (cấp) Liên bang;
- Thư viện (cấp) chủ thể Liên bang;
- Thư viện (cấp) bộ, ngành và các cơ quan Liên bang khác của chính quyền hành pháp.

(2) Thư viện thị chính do cơ quan tự quản địa phương thiết lập;

(3) Thư viện thuộc Viện hàn lâm khoa học Liên bang Nga, các viện hàn lâm khác, các cơ quan nghiên cứu khoa học, các cơ quan giáo dục;

(4) Thư viện xí nghiệp, cơ quan, tổ chức;

(5) Thư viện tư nhân;

(6) Thư viện do pháp nhân, cá nhân nước ngoài thiết lập theo các hiệp định quốc tế của Liên bang Nga.

Luật Thư viện Hàn Quốc không đề cập đến phân chia loại hình nhưng có đề cập và đặt ra quy định đối với các thư viện như: Thư viện Quốc gia Hàn Quốc, thư viện đại diện vùng, thư viện công cộng, thư viện đại học, thư viện trường học, thư viện chuyên ngành [2].

Theo Luật này, thư viện đại diện vùng (một thư viện được chỉ định hoặc thành lập bởi thành phố đô thị đặc biệt, thành phố đô thị, thành phố tự trị đặc biệt, quận hoặc tỉnh tự trị đặc biệt để đóng góp vào sự phát triển cân bằng các thư viện trong vùng có liên quan bằng cách hỗ trợ và hợp tác các thư viện trong vùng).

Thư viện công cộng là thư viện được thành lập và điều hành bởi Nhà nước hoặc chính quyền địa phương. Thư viện công cộng theo Luật Thư viện của Hàn Quốc bao gồm nhiều loại thư viện khác nhau, có thể kể đến 6 loại cơ bản sau:

(a) Thư viện nhỏ nhằm cung cấp cho người dân kiến thức, thông tin và dịch vụ văn hóa đọc trong khu vực sinh sống mà không đạt tiêu chuẩn về cơ sở vật chất và tài liệu thư viện đối với thư viện công cộng thuộc chính phủ quy định tại Điều 5;

(b) Thư viện dành cho người khuyết tật nhằm cung cấp các dịch vụ thư viện cho người khuyết tật;

(c) Thư viện bệnh viện nhằm mục đích cung cấp dịch vụ thư viện cho cán bộ, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân tại các cơ sở y tế v.v..;

(d) Thư viện doanh trại nhằm mục đích cung cấp các dịch vụ thư viện cho sĩ quan và binh sĩ trong các doanh trại của các đơn vị quân đội thuộc tất cả các cấp trong Quân đội, Hải quân, Không quân, ..;

(e) Thư viện trại giam nhằm mục đích cung cấp dịch vụ thư viện cho những người phạm tội;

(f) Thư viện thiếu nhi nhằm cung cấp dịch vụ thư viện cho trẻ em.

Với cách giải thích này, thư viện công cộng không chỉ đơn thuần là do chính quyền địa phương các cấp thiết lập mà còn bao gồm cả các thư viện phục vụ mang tính đại chúng, phổ thông, thư viện phục vụ cho các đối tượng đặc biệt cũng thuộc về thư viện công cộng.

“Thư viện đại học” là thư viện nhằm cung cấp dịch vụ thư viện cho giảng viên, nghiên cứu viên, sinh viên và nhân viên tại một trường đại học hoặc cao đẳng;

“Thư viện trường học” là thư viện nhằm cung cấp các dịch vụ thư viện cho giáo viên, học sinh và nhân viên ở tất cả các trường trung học hoặc trường học ở cấp thấp hơn;

“Thư viện chuyên ngành” dùng để chỉ thư viện nhằm cung cấp các dịch vụ thư viện chuyên ngành thuộc một lĩnh vực cụ thể cho cán bộ, nhân viên của một cơ quan hoặc phục vụ tổ chức là đơn vị chủ quản thành lập thư viện hoặc cho mọi người dân [2].

4. Một số ý kiến đề xuất

Từ nghiên cứu một số luật thư viện của nước ngoài và thực tiễn việc sử dụng một

số thuật ngữ trong hoạt động thư viện ở Việt Nam, chúng tôi xin đề xuất về cách giải thích đối với hai thuật ngữ “thư viện” và “tài liệu” đồng thời đưa ra cách phân định loại hình thư viện.

1. Về thuật ngữ thư viện, có thể giải thích là: *Thư viện* là thiết chế thực hiện việc thu thập, xử lý, bảo quản tài liệu, cung cấp thông tin và các dịch vụ đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu, công tác, giải trí của người sử dụng. Thư viện có thể là một tổ chức hoặc một bộ phận của tổ chức.

2. Về thuật ngữ tài liệu, có thể giải thích là: *Tài liệu* là dạng vật chất lưu trữ, phổ biến thông tin, bao gồm: tài liệu in, bản chép tay, tài liệu nghe nhìn, tài liệu vi dạng, tài liệu điện tử, tài liệu số, tài liệu đa phương tiện và tài liệu đặc biệt cho người khuyết tật.

3. Về phân định loại hình thư viện, có thể phân chia thành 2 loại hình chính: thư viện công lập và thư viện ngoài công lập. Trong đó:

Thư viện công lập bao gồm:

- a) Thư viện Quốc gia Việt Nam;
- b) Thư viện thuộc Quốc hội, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; Thư viện thuộc các đơn vị lực lượng vũ trang; thư viện của cơ quan nhà nước khác.

c) Thư viện công cộng do Ủy ban nhân dân các cấp thành lập;

d) Thư viện thuộc cơ sở giáo dục công lập gồm: cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học.

Thư viện ngoài công lập bao gồm:

- a) Thư viện thuộc tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, thư viện trong các cơ sở tôn giáo, tổ chức kinh tế;
- b) Thư viện thuộc cơ sở giáo dục tư thục;
- c) Thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng;
- d) Thư viện có yếu tố nước ngoài;
- đ) Các thư viện khác.

Kết luận

Từ việc tìm hiểu cách giải thích thuật ngữ chuyên ngành và việc phân chia loại hình thư viện, chúng ta nhận thấy có nhiều cách tiếp cận khác nhau về cách giải thích từ ngữ và cách phân định loại hình thư viện của các Luật Thư viện trên thế giới. Mỗi cách tiếp cận có một ưu việt riêng. Điều quan trọng là những quy định của Luật Thư viện sẽ tạo ra hành lang pháp lý cho hoạt động thư viện phù hợp với điều kiện của từng nước và xu thế phát triển của ngành thư viện. Trong quá trình xây dựng Dự thảo Luật Thư viện, việc tìm hiểu các Luật Thư viện của nước ngoài giúp cho chúng ta có thể kế thừa, học hỏi những quy định tiên tiến của nước ngoài. Tuy nhiên, việc chọn lọc các thông tin, dữ liệu sẽ được cân nhắc và lựa chọn. Thực tiễn hoạt động thư viện ở Việt Nam sẽ luôn là một căn cứ quan trọng để xây dựng các quy định và định hướng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Liên bang về Sự nghiệp Thư viện: Đu ma Quốc gia (Nga) thông qua ngày 23 tháng 11 năm 1994/Lê Văn Viết dịch.
2. Luật Thư viện Hàn Quốc [Hiệu lực 04/8/2016] [Luật số 1360, ngày 03 tháng 2 năm 2016, Sửa đổi một phần qua các năm 2009, 2011, 2012 và 2015], truy cập tại: <http://law.go.kr/LSW/eng/engMain/> Nguyễn Hoài Thu dịch.
3. Luật Thư viện Quốc gia New Zealand/Trương Đại Lượng dịch.
4. Luật Thư viện Nhật Bản, truy cập tại: http://www.mext.go.jp/a_menu/sports/dokusyo/hourei/cont_001/005.htm/ Nguyễn Quốc Vương dịch.
5. Luật Thư viện Quốc gia Úc = National Library Act 1960 [Đạo luật số 69 năm 1960 được sửa đổi ngày 21 tháng 10 năm 2016], truy cập tại: <https://www.legislation.gov.au/Details/C2016C01080/Download> / Nguyễn Khánh Ly dịch.
6. Luật Thư viện Trung Quốc: Ban hành ngày 04 tháng 11 năm 2017 và có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2018, truy cập tại: http://www.npc.gov.cn/npc/xinwen/2017-11/04/content_2031427.htm/ Lê Tùng Sơn dịch.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 20-9-2018;
Ngày phản biện đánh giá: 5-11-2018; Ngày
chấp nhận đăng: 15-12-2018).